

Số: /QĐ-UBND

Gia Lai, ngày tháng năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phân bổ kinh phí hỗ trợ sửa chữa nhà ở bị thiệt hại do bão số 13 và mưa lũ từ ngày 16-20/11/2025 cho hộ nghèo, hộ cận nghèo và các hộ gia đình có hoàn cảnh khó khăn

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH GIA LAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách Nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Quản lý thuế, Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật Dự trữ quốc gia, Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 29/11/2024;

Căn cứ Nghị định 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Chính phủ Quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội;

Căn cứ Quyết định số 2665/QĐ-TTg ngày 08/12/2025 của Thủ tướng Chính phủ về hỗ trợ từ nguồn dự phòng ngân sách trung ương năm 2025 cho các địa phương xây dựng lại, sửa chữa nhà ở cho các hộ gia đình có nhà ở bị thiệt hại do các đợt thiên tai vừa qua;

Thực hiện Thông báo số 102-TB/TU ngày 04/12/2025 của Thường trực Tỉnh ủy về kết luận chỉ đạo liên quan đến việc hỗ trợ sửa chữa nhà ở bị thiệt hại do bão số 13 và mưa lũ từ ngày 16 đến 20/11/2025 cho hộ nghèo, hộ cận nghèo và các hộ gia đình có hoàn cảnh khó khăn;

Theo đề nghị của Sở Tài chính tại Tờ trình số 546a/TTr-STC ngày 08/12/2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1 Phân bổ kinh phí hỗ trợ sửa chữa nhà ở bị thiệt hại do bão số 13 và mưa lũ từ ngày 16-20/11/2025 cho hộ nghèo, hộ cận nghèo và các hộ gia đình có hoàn cảnh khó khăn với mức hỗ trợ 20 triệu đồng/hộ, tổng số tiền hỗ trợ **21.140 triệu đồng**.

(Chi tiết phụ lục kèm theo)

Nguồn kinh phí thực hiện: Từ nguồn ngân sách Trung ương hỗ trợ tại Quyết định số 2665/QĐ-TTg ngày 08/12/2025 của Thủ tướng Chính phủ.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Kho bạc Nhà nước khu vực XV thực hiện việc bổ sung mục tiêu tại Điều 1 đảm bảo theo quy định Nhà nước hiện hành; đồng thời, phối hợp Sở Nông nghiệp và Môi trường có văn bản hướng dẫn các địa phương thực hiện việc chi trả và thanh quyết toán kinh phí đảm bảo theo quy định.

2. Chủ tịch UBND các xã, phường có liên quan chịu trách nhiệm toàn diện trước UBND tỉnh và trước pháp luật về tính chính xác, trung thực của báo cáo, danh sách đề xuất hỗ trợ; quá trình triển khai không để xảy ra thất thoát, lãng phí, tiêu cực; thực hiện việc chi trả và thanh quyết toán kinh phí nêu trên đảm bảo theo quy định Nhà nước hiện hành. Hoàn thành việc chi trả cho các đối tượng được hỗ trợ trước 15/12/2025.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài chính, Nông nghiệp và Môi trường; Giám đốc Kho bạc Nhà nước khu vực XV; Chủ tịch UBND các xã, phường có liên quan và Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Thường trực Tỉnh ủy (báo cáo);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- PVPTH, PVPNN;
- Lưu: VT, T5, N6.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Tuấn Thanh

Phụ lục

Chi tiết phân bổ kinh phí cho các địa phương hỗ trợ sửa chữa nhà ở bị thiệt hại do bão số 13 và mưa lũ từ ngày 16-20/11/2025 cho hộ nghèo, hộ cận nghèo và các hộ gia đình có hoàn cảnh khó khăn

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /12/2025 của UBND tỉnh Gia Lai)

STT	Xã, phường	Tổng kinh phí hỗ trợ (triệu đồng)	Số hộ hỗ trợ (hộ)	Trong đó		
				Hộ nghèo	Hộ cận nghèo	Hộ có hoàn cảnh khó khăn
	TỔNG CỘNG	21.140	1.057	179	300	578
1	Phường Quy Nhơn Tây	340	17		1	16
2	Phường Bình Định	60	3		3	
3	Phường An Nhơn Đông	80	4		4	
4	Xã An Nhơn Tây	60	3		3	
5	Phường An Nhơn Bắc	160	8		8	
6	Phường Bồng Sơn	40	2		2	
7	Phường Hoài Nhơn Tây	20	1		1	
8	Phường Hoài Nhơn Bắc	20	1		1	
9	Xã Phù Cát	500	25		25	
10	Xã Cát tiến	420	21		21	
11	Xã Hòa Hội	320	16		4	12
12	Xã Hội Sơn	840	42	7	35	
13	Xã An Lương	380	19	3	16	
14	Xã Bình Dương	40	2	2		
15	Xã Phù Mỹ Đông	240	12	2	10	
16	Xã Phù Mỹ Tây	120	6	-	1	5
17	Xã Phù Mỹ Bắc	20	1		1	
18	Xã Tuy Phước	320	16	4	12	
19	Xã Tuy Phước Đông	9.200	460	10	5	445
20	Xã Tuy Phước Tây	800	40	14	13	13
21	Xã Tuy Phước Bắc	1.880	94	4	7	83
22	Xã Bình Hiệp	140	7	1	6	
23	Xã Bình An	80	4	1	3	
24	Xã Hoài Ân	120	6	1	5	
25	Xã Kim Sơn	100	5	3	2	
26	Xã Vạn Đức	60	3	1	2	
27	Xã Vĩnh Thạnh	180	9	8	1	
28	Xã Vĩnh Thịnh	100	5		4	1
29	Xã Vĩnh Quang	320	16	12	4	
30	Xã An Hòa	40	2	-	2	
31	Xã An Toàn	180	9	7	2	
32	Xã Kon Gang	20	1	-	1	
33	Xã Lơ Pang	60	3	1	2	
34	Xã Hra	80	4	1	3	
35	Xã Ayun	340	17	3	14	
36	Phường An Bình	40	2		2	

STT	Xã, phường	Tổng kinh phí hỗ trợ (triệu đồng)	Số hộ hỗ trợ (hộ)	Trong đó		
				Hộ nghèo	Hộ cận nghèo	Hộ có hoàn cảnh khó khăn
37	Xã Cửu An	120	6	1	2	3
38	Xã Kbang	60	3	1	2	
39	Xã Kông Bơ La	240	12	2	10	
40	Xã Đak Rong	320	16	14	2	
41	Xã Ya Ma	20	1	1		
42	Xã Chư Krey	40	2		2	
43	Xã SRó	160	8	8	-	
44	Xã Đăk Song	140	7	7		
45	Xã Chơ Long	40	2		2	
46	Xã Ia Lâu	20	1		1	
47	Xã Ia Dreh	380	19	6	13	
48	Xã Ia Dok	200	10	7	3	
49	Xã Ia Pnôn	60	3	1	2	
50	Xã Pờ Tó	60	3	2	1	
51	Xã Ia Pa	300	15	6	9	
52	Xã Ia Tul	680	34	28	6	
53	Xã Đak Pơ	60	3	1	2	
54	Xã Ya Hội	220	11	5	6	
55	Xã Phú Thiện	100	5	-	5	
56	Xã Chư A Thai	60	3	1	2	
57	Xã Chư Puh	20	1		1	
58	Xã Ia Le	120	6	3	3	